

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 66/2012/NQ-HĐND

Kiên Giang, ngày 12 tháng 7 năm 2012

NGHỊ QUYẾT

Về việc sửa đổi chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí hộ tịch

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG
KHOÁ VIII, KỲ HỌP THỨ NĂM**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Pháp lệnh Phí và lệ phí ngày 28 tháng 8 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 158/2005/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2005 của Chính phủ về đăng ký và quản lý hộ tịch;

Căn cứ Thông tư số 97/2006/TT-BTC ngày 16 tháng 10 năm 2006 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Chỉ thị số 24/2007/CT-TTg ngày 01 tháng 11 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường chấn chỉnh việc thực hiện các quy định của pháp luật về phí, lệ phí, chính sách huy động và sử dụng các khoản đóng góp của nhân dân;

Trên cơ sở xem xét Tờ trình số 39/TTr-UBND ngày 18 tháng 6 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc sửa đổi chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí hộ tịch; Báo cáo thẩm tra số 37/BC-HĐND ngày 06 tháng 7 năm 2012 của Ban Kinh tế và Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến của các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Hội đồng nhân dân tỉnh tán thành Tờ trình số 39/TTr-UBND ngày 18 tháng 6 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc sửa đổi chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí hộ tịch, nội dung cụ thể như sau:

1. Mức thu lệ phí hộ tịch: Thực hiện theo biểu mức thu lệ phí hộ tịch đính kèm Nghị quyết này.

2. Chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí hộ tịch: Lệ phí hộ tịch là khoản thu thuộc ngân sách nhà nước, lệ phí thu được trong kỳ để lại cho tổ chức thu để trang trải chi phí nhằm thực hiện nhiệm vụ thu là 70% trên tổng số tiền lệ phí; còn lại 30% nộp vào ngân sách nhà nước theo phân cấp quản lý ngân sách.

Điều 2. Thời gian thực hiện: Nghị quyết này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, triển khai các cấp, các ngành, các địa phương thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn giám sát chặt chẽ việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang Khóa VIII, Kỳ họp thứ năm thông qua và thay thế Nghị quyết số 72/2009/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2009 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa VII về việc điều chỉnh, bổ sung, sửa đổi và ban hành mức thu lệ phí hộ tịch./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thanh Sơn

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIỂU MỨC THU LỆ PHÍ HỘ TỊCH

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 66/2012/NQ-HĐND
ngày 12 tháng 7 năm 2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang)*

Số TT	CÔNG VIỆC THỰC HIỆN	Đơn vị tính	Mức thu	Phụ ghi
1	2	3	4	5
A	Mức thu áp dụng đối với việc đăng ký hộ tịch tại Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn			
1	Nuôi con nuôi	Đồng		
a	Đăng ký việc nuôi con nuôi		20.000	
b	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi		20.000	
2	Nhận cha, mẹ, con	Đồng	10.000	
3	Cấp bản sao giấy tờ hộ tịch từ sổ hộ tịch	Đồng/bản sao	2.000	
4	Xác nhận các giấy tờ hộ tịch	Đồng	3.000	
5	Các việc đăng ký hộ tịch khác	Đồng	5.000	
B	Mức thu áp dụng đối với việc đăng ký hộ tịch tại Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố			
1	Cấp lại bản chính giấy khai sinh	Đồng	10.000	
2	Cấp bản sao giấy tờ hộ tịch từ sổ hộ tịch	Đồng/bản sao	3.000	
3	Thay đổi, cải chính hộ tịch cho người từ 14 tuổi trở lên, xác định lại dân tộc, xác định lại giới tính	Đồng	25.000	
C	Mức thu áp dụng đối với đăng ký hộ tịch tại Sở Tư pháp, Ủy ban nhân dân tỉnh			
1	Kết hôn có yếu tố nước ngoài	Đồng		
a	Đăng ký kết hôn		1.000.000	
b	Đăng ký lại việc kết hôn		1.000.000	
c	Ghi chú kết hôn đã đăng ký trước cơ quan thẩm quyền của nước ngoài		800.000	
2	Nuôi con nuôi	Đồng		
a	Đăng ký việc nuôi con nuôi		2.000.000	
b	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi		2.000.000	
3	Nhận con ngoài giá thú (đăng ký nhận cha, mẹ, con)	Đồng	1.000.000	

Số TT	CÔNG VIỆC THỰC HIỆN	Đơn vị tính	Mức thu	Phụ ghi
4	Cấp bản sao giấy tờ hộ tịch từ bản gốc	Đồng/bản sao	5.000	
5	Xác nhận các giấy tờ hộ tịch	Đồng	10.000	
6	Các việc đăng ký hộ tịch khác	Đồng	50.000	
D	Nội dung miễn lệ phí hộ tịch			
	- Miễn lệ phí khi thực hiện các công việc về hộ tịch tại cơ quan có thẩm quyền tại Việt Nam, cụ thể như sau:			
	+ Miễn toàn bộ lệ phí đăng ký khai sinh, bao gồm đăng ký khai đúng hạn, đăng ký lại việc sinh, đăng ký khai sinh quá hạn.			
	+ Miễn toàn bộ lệ phí đăng ký kết hôn, bao gồm đăng ký kết hôn, đăng ký lại việc kết hôn (không bao gồm kết hôn có yếu tố nước ngoài).			
	+ Miễn toàn bộ lệ phí đăng ký khai tử, bao gồm đăng ký khai tử đúng hạn, đăng ký khai tử quá hạn, đăng ký lại việc khai tử.			
	+ Miễn lệ phí đăng ký việc thay đổi, cải chính hộ tịch cho người dưới 14 tuổi, bổ sung, điều chỉnh hộ tịch.			
E	Mức thu lệ phí hộ tịch nêu trên đã bao gồm cả chi phí cho giấy tờ, biểu mẫu hộ tịch.			